

Biểu mẫu 15
BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	70	-
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	70	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	7	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	70	
7	Bình quân lớp/phòng học	-	01 lớp/01 phòng
8	Bình quân học sinh/lớp	-	35 học sinh/01 lớp
III	Số điểm trường		
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11.000 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3000 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	60 m ² .	Bình quân 60m ²
2	<i>Diện tích phòng thí nghiệm (m²)</i>	180 m ²	
3	<i>Diện tích thư viện (m²)</i>	45 m ²	
4	<i>Diện tích phòng lao động sản xuất (m²)</i>	-	
5	<i>Diện tích phòng thực hành (m²)</i>	45 m ²	
6	<i>Diện tích xưởng sản xuất (m²)</i>	-	

VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	bộ	
1.1	Khối lớp 10	bộ	
1.2	Khối lớp 11	100 bộ	
1.3	Khối lớp 12	150 bộ	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	bộ	
2.1	Khối lớp 10	bộ	
2.2	Khối lớp 11	bộ	
2.3	Khối lớp 12	bộ	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	64 bộ	học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	5 chiếc	
2	Cát xét	-	
3	Đầu Video/đầu đĩa	-	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	70 chiếc	01 máy/01 lớp
5	Thiết bị khác...		
...			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	100 m ²
XI	Nhà ăn	300 m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học viên bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học viên		Số m ² /học viên	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	Đạt		x		0,2 m ² /học viên
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số [27/2011/TT-BYT](#) ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trung tâm	x	
XIX	Tường rào xây	x	